

THÀNH PHẦN: Cho 1 lọ

Lọ 1g: Ceftazidim 1 g (Dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)

Tá dược: Natri carbonat

Lọ 2g: Ceftazidim 2 g (Dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)

Tá dược: Natri carbonat

CHỈ ĐỊNH: Chỉ dùng ceftazidim trong những nhiễm khuẩn rất nặng, đã điều trị bằng kháng sinh thông thường nhưng không cải thiện. Những trường hợp nhiễm khuẩn nặng do vi khuẩn Gram âm như: nhiễm khuẩn huyết, viêm màng não, nhiễm khuẩn đường tiết niệu có biến chứng, nhiễm khuẩn đường hô hấp dưới, nhiễm khuẩn trong bệnh nhày nhớt, nhiễm khuẩn xương và khớp, nhiễm khuẩn phụ khoa, nhiễm khuẩn trong ổ bụng, nhiễm khuẩn da và mô mềm bao gồm nhiễm khuẩn bỏng và vết thương, những trường hợp nhiễm khuẩn kể trên đã xác định hoặc nghi ngờ do *Pseudomonas* hoặc *Staphylococcus* như viêm màng não do *Pseudomonas*, nhiễm khuẩn ở người bị giảm bạch cầu trung tính, cần phải phối hợp ceftazidim với kháng sinh khác.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG:

Liều lượng:

+ Người lớn:

* Liều thường dùng: tiêm bắp sâu hoặc tĩnh mạch 1 g mỗi 8 - 12 giờ.

* Viêm màng não do vi khuẩn Gram âm và các bệnh suy giảm miễn dịch: 2 g mỗi 8 giờ.

* Nhiễm khuẩn đường tiết niệu: 500 mg mỗi 12 giờ.

+ Người cao tuổi trên 70 tuổi: Liều 24 giờ cần giảm xuống còn 1/2 liều của người bình thường, tối đa 3 g/ngày.

+ Trẻ em và trẻ nhỏ:

* Trẻ em trên 2 tháng tuổi: liều thường dùng 30 - 100 mg/kg/ngày chia làm 2 - 3 lần, (cách nhau 8 hoặc 12 giờ). Có thể tăng liều tới 150 mg/kg/ngày (tối đa 6 g/ngày) chia 3 lần cho các bệnh rất nặng.

* Trẻ sơ sinh và trẻ em dưới 2 tháng tuổi: liều thường dùng là 25 - 60 mg/kg/ngày chia làm 2 lần, cách nhau 12 giờ (ở trẻ sơ sinh, nửa đời của ceftazidim có thể gấp 3 - 4 lần so với người lớn)

* Trường trường hợp viêm màng não ở trẻ nhỏ trên 8 ngày tuổi: liều thường dùng là 50 mg/kg mỗi 12 giờ.

+ Với người bệnh bị nghi là có suy thận, có thể chia liều đầu tiên thường là 1 g sau đó thay đổi liều tùy thuộc vào độ thanh thải creatinin như sau:

Độ thanh thải Creatinin	Creatinin huyết tương (micromol/lit)	Độ thanh thải Creatinin
50 - 31	150 - 200	1 g cứ 12 giờ 1 lần
30 - 16	200 - 350	1 g cứ 24 giờ 1 lần
15 - 6	350 - 500	0,5 g cứ 24 giờ 1 lần
< 5	> 500	0,5 g cứ 48 giờ 1 lần

+ Liều gợi ý ở trên có thể tăng 50%, nếu lâm sàng yêu cầu như ở bệnh nhày nhớt. Người bệnh đang thẩm tách máu, có thể cho thêm 1 g vào cuối mỗi lần thẩm tách. Người bệnh đang lọc máu động tĩnh mạch liên tục, dùng liều 1 g/ngày, dùng 1 lần hoặc chia nhiều lần. Người bệnh đang thẩm tách màng bụng, dùng liều bắt đầu 1 g, sau đó liều 500 mg cách nhau 24 giờ.

+ Liều gợi ý ở trên có thể tăng 50%, nếu lâm sàng yêu cầu như ở bệnh nhày nhớt. Người bệnh đang thẩm tách máu, có thể cho thêm 1 g vào cuối mỗi lần thẩm tách.

Người bệnh đang lọc máu động tĩnh mạch liên tục, dùng liều 1 g/ngày, dùng 1 lần hoặc chia nhiều lần. Người bệnh đang thẩm tách màng bụng, dùng liều bắt đầu 1 g, sau đó liều 500 mg cách nhau 24 giờ.

Cách dùng:

+ Ceftazidim được dùng để tiêm bắp sâu, tiêm tĩnh mạch chậm trong 3 - 5 phút, hoặc tiêm truyền tĩnh mạch.

+ Dung dịch tiêm bắp: Pha thuốc trong nước cất pha tiêm, hoặc dung dịch tiêm hydroclorid 0,5% hay 1% , với nồng độ khoảng 250mg/ml.

+ Dung dịch tiêm tĩnh mạch: Pha thuốc trong nước cất pha tiêm, dung dịch NaCl 0,9%, hoặc dextrose 5% với nồng độ khoảng 100mg/ml.

Dung dịch tiêm truyền: Pha thuốc trong các dung dịch NaCl 0,9% hoặc dextrose 5% với nồng độ 10 - 20 mg/ml (1 - 2g thuốc trong 100ml

dung dịch).

- Chú ý:

+ Nên dùng Ceftazidim ít nhất 2 ngày sau khi hết các triệu chứng nhiễm khuẩn, nhưng cần kéo dài hơn khi nhiễm khuẩn có biến chứng.

+ Với dung dịch natri bicarbonat: Làm giảm tác dụng thuốc. Không pha ceftazidim vào dung dịch có pH trên 7,5 (không được pha thuốc vào dung dịch natri bicarbonat).

+ Phối hợp với vancomycin phải dùng riêng vì gây kết tủa.

+ Không pha lẫn ceftazidim với các aminoglycosid (gentamicin, streptomycin), hoặc metronidazol.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH: Mẫn cảm với các kháng sinh cephalosporin hoặc penicillin.

THẬN TRỌNG: Trước khi bắt đầu điều trị, phải điều tra kỹ về tiền sử dị ứng của người bệnh với cephalosporin, penicillin hoặc thuốc khác. Có phản ứng chéo giữa penicillin với cephalosporin. Phải thận trọng khi dùng đồng thời với các thuốc độc với thận. Một số chủng *Enterobacter* lúc đầu nhạy cảm với ceftazidim có thể kháng thuốc dần trong quá trình điều trị với ceftazidim và các cephalosporin khác. Ceftazidim có thể làm giảm thời gian prothrombin. Cần theo dõi thời gian prothrombin ở người suy thận, gan, suy dinh dưỡng và nếu cần phải cho vitamin K. Nên giảm liều hàng ngày khi dùng cho người bệnh suy thận. Thận trọng khi dùng cho những người có tiền sử bệnh đường tiêu hóa, đặc biệt bệnh lỵ.

SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ: Cephalosporin được coi là an toàn trong thai kỳ, tuy nhiên vẫn chưa có những nghiên cứu thỏa đáng và kiểm tra chặt chẽ trên người mang thai, chỉ dùng thuốc khi thật cần thiết. Thuốc bài tiết qua sữa, ảnh hưởng cho trẻ còn bú nên phải cân nhắc khi dùng thuốc cho người đang cho con bú.

TÁC DỤNG ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: Thuốc không gây buồn ngủ nên không có lời khuyên cho những người lái xe và vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC THUỐC: Cloramphenicol đối kháng in vitro với ceftazidim, tránh phối hợp khi cần tác dụng diệt khuẩn. Với aminoglycosid hoặc thuốc lợi tiểu mạnh như furosemid, ceftazidim gây độc cho thận, nên cần giám sát chức năng thận khi điều trị liều cao kéo dài.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

- **Thường gặp:** nhất là phản ứng tại chỗ sau khi tiêm tĩnh mạch, viêm tắc tĩnh mạch, dị ứng, ngứa, ban dát sần, ngoại ban và phản ứng đường tiêu hóa.

- **Ít gặp:** Đau đầu, chóng mặt, sốt, phù Quincke, phản ứng phản vệ, tăng bạch cầu ưa eosin, giảm tiểu cầu, giảm bạch cầu, giảm bạch cầu trung tính, tăng lympho bào, phản ứng Coombs dương tính, loạn cảm, loạn vị giác. Ở người bệnh suy thận điều trị không đúng liều có thể co giật, bệnh não, run, kích thích thần kinh - cơ, buồn nôn, nôn, đau bụng, tiêu chảy.

- **Hiếm gặp:** mất bạch cầu hạt, thiếu máu huyết tán, viêm đại tràng màng giả, ban đỏ đa dạng, hội chứng Steven - Johnson, hoại tử da nhiễm độc, tăng transaminase, tăng phosphatase kiềm, giảm tốc độ lọc tiểu cầu thận, tăng urê và creatinin huyết tương, nguy cơ bội nhiễm với *Enterococci* và *Candida*.

THÔNG BÁO NGAY CHO BÁC SĨ NHỮNG TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC.

BẢO QUẢN: Bảo quản ở nhiệt độ không quá 25°C, nơi khô, tránh ánh sáng.

TIÊU CHUẨN: USP 30

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 1 lọ

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

SẢN XUẤT BỞI: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM EUVIPHARM

Ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Điện thoại: +84 (72) 377 9623 - Fax: +84 (72) 377 9590